

BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH LỚP 2 KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN KHI THỰC HIỆN PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

MEASURES TO HELP SECOND-GRADE STUDENTS OVERCOME DIFFICULTIES
IN PERFORMING ADDITION WITH CARRYING WITHIN 100

Vũ Thị Hương*, Lê Thị Quỳnh*, Lương Thị Tiếp*, Đỗ Thị Thu Hà*, Trần Thị Dung*

*Giáo dục Tiểu học SGK10, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Received: 24/9/2025; Accepted: 2/10/2025; Published: 15/10/2025

Tóm tắt: Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 là một trong những kiến thức toán học quan trọng đối với học sinh (HS) lớp 2, đây cũng là nền tảng cho việc thực hiện các phép tính phức tạp hơn sau này. Tuy nhiên, trong quá trình dạy học thực tế đã cho thấy rằng có rất nhiều HS còn gặp khó khăn khi thực hiện các phép tính cộng có nhớ. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm về việc áp dụng quy trình 4C nhằm hỗ trợ HS lớp 2 khắc phục những khó khăn khi học toán. Nghiên cứu khẳng định được tính khả thi và hiệu quả tích cực trong khắc phục khó khăn khi học toán cho HS lớp 2, phù hợp với định hướng đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: phép cộng có nhớ, HS lớp 2, khó khăn khi học toán, quy trình 4C, dạy học tích cực.

Abstract: Addition with carrying within 100 is one of the essential mathematical concepts for second-grade students and serves as a foundation for more advanced arithmetic operations. However, practical teaching experiences have shown that many students still face difficulties in performing addition with carrying. This paper presents the results of an experimental study applying the 4C process to support second-grade students in overcoming difficulties in learning mathematics. The study confirms the feasibility and effectiveness of the 4C process in addressing learning difficulties in mathematics among second-grade students, in alignment with the innovation orientation of the 2018 General Education Curriculum.

Keywords: addition with carrying, second-grade students, learning difficulties in mathematics, 4C process, active learning.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, cả nước ta đang vươn mình chuyển đổi đất nước trở nên phát triển lớn mạnh hơn. Về mặt giáo dục được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển đó. Những thay đổi lớn về giáo dục trong những năm gần đây đang mang lại nhiều hiệu quả rất tích cực. Ở cả giai đoạn trước và sau khi Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán 2018 [1] được ban hành, đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu về chủ đề khó khăn trong học toán ở tiểu học. Một số biện pháp hỗ trợ học sinh (HS) gặp khó khăn trong học toán ở tiểu học đã được đề xuất như tổ chức dạy học hợp tác [3], sử dụng trò chơi học tập [4], ứng dụng công nghệ số [5]. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chủ yếu thực hiện với HS lớp 3, chưa thực hiện và áp dụng nhiều với HS lớp 2. Chính vì vậy, bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về “biện pháp giúp HS lớp 2 khắc phục khó khăn khi thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100” nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong môn Toán ở cấp Tiểu học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng dạy học phép cộng trong phạm vi 100 ở lớp 2

Phép cộng trong phạm vi 100 là nội dung toán

học cơ bản và quan trọng đối với HS lớp 2, tạo nền tảng cho việc học các phép tính phức tạp hơn và phát triển tư duy logic trong cuộc sống hàng ngày. Một số yêu cầu cần đạt liên quan phép cộng ở lớp 2 được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán [1] như sau:

- Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ.

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000.

- Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 20.

- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.

- Nhận biết ý nghĩa của phép tính thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính (ví dụ: bài toán về thêm, bớt một số đơn vị; bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị). [1, tr. 25-26]

Thực tế giảng dạy cho thấy nhiều HS lớp 2 vẫn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện phép cộng trong phạm vi 100. Trong lớp 2B3 năm học 2024 – 2025 tại Trường Tiểu học Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương, nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều HS thiếu tự tin, tính toán chậm, sai kết quả khi thực hiện phép cộng. Kết quả quan sát và điều tra cho thấy những khó khăn chính của HS lớp này như sau:

a) Nhiều HS chưa nắm vững kỹ thuật tách số, chưa biết nhóm số thuận tiện. Chẳng hạn, khi thực hiện phép cộng $25 + 7$, HS không biết tách 7 thành 5 và 2 để tạo thành số tròn chục, nên thường tính toán chậm hoặc sai kết quả.

b) Nhiều HS quên cộng số nhớ từ hàng đơn vị lên hàng chục, hoặc nhớ sai vị trí số nhớ. Chẳng hạn, khi thực hiện phép cộng $37 + 25$, HS tính $7 + 5 = 12$, viết 2 nhớ 1, nhưng quên cộng 1 vào hàng chục. Điều này dẫn đến kết quả sai, mất điểm bài kiểm tra.

c) Nhiều HS viết không thẳng cột, hoặc nhầm lẫn hàng đơn vị và hàng chục. Ví dụ, khi thực hiện phép cộng $48 + 34$, HS nhầm lẫn hàng đơn vị và hàng chục nên thực hiện từ trái qua phải, cụ thể là tính $4 + 3 = 7$, $8 + 4 = 12$, dẫn đến kết quả sai 712, trong khi kết quả đúng là 82.

d) Nhiều HS làm bài máy móc, không hiểu bản chất nên hay lo lắng, sợ hãi khi gặp phép cộng có nhớ, giảm tự tin, hứng thú học tập.

Nhìn chung, khó khăn phổ biến mà nhiều HS lớp 2 phải đối mặt là việc thực hiện phép cộng có nhớ. Tình trạng này kéo dài không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn làm HS bị yếu kiến thức khi học môn Toán. Điều này đòi hỏi cần có biện pháp thiết thực giúp HS khắc phục những lỗi sai khi thực hiện phép cộng trong phạm vi 100.

2.2. Biện pháp giúp HS lớp 2 khắc phục khó khăn khi thực hiện phép cộng có nhớ

Quy trình 4C (Cụ thể - Chứng minh - Chuyển hóa - Củng cố) đã được sử dụng như một biện pháp hỗ trợ HS lớp 2B3 (năm học 2024 – 2025) tại Trường Tiểu học Hòa Lợi khắc phục khó khăn khi thực hiện phép cộng có nhớ.

2.2.1. Cơ sở đề xuất biện pháp

Theo tác giả Nguyễn Thị Châu Giang và cộng sự [2], việc dạy học Toán ở tiểu học cần đảm bảo sự thống nhất giữa tính trực quan và tính trừu tượng. Bản chất của tri thức toán là một sự thống nhất giữa tính cụ thể và trừu tượng. Vì thế, muốn giúp HS dễ học, dễ hiểu một nội dung trừu tượng cần phải kèm theo sự minh họa nó bằng việc sử dụng các phương tiện trực quan. Sử dụng trực quan đúng mức sẽ góp phần phát triển tư duy trừu tượng cho HS. Cần có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa trừu tượng và cụ thể. Để giúp HS khắc phục các khó khăn đã

nêu, cần áp dụng các biện pháp phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi và khả năng tiếp thu của HS. Việc tổ chức dạy học theo hướng tích cực, tạo điều kiện cho HS được thao tác cụ thể, quan sát và rút ra quy luật sẽ giúp HS hiểu sâu bản chất của phép cộng và vận dụng linh hoạt trong các tình huống khác nhau.

2.2.2. Mục tiêu của biện pháp

Quy trình 4C được đề xuất nhằm đạt được những mục tiêu (MT) cụ thể sau đây:

- [MT1] HS nắm vững bản chất của phép cộng trong phạm vi 100, phân biệt được phép cộng có nhớ và không nhớ

- [MT2] HS thực hiện được các phép cộng trong phạm vi 100, đặc biệt là phép cộng có nhớ

- [MT3] HS vận dụng được các kỹ thuật tính nhằm phù hợp và linh hoạt trong các tình huống thực tế.

Qua đó, HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học (thể hiện qua các mục tiêu [MT1], [MT3]), năng lực giao tiếp toán học và giải quyết vấn đề (thể hiện qua mục tiêu [MT2]).

2.2.3. Nội dung cụ thể của biện pháp

Biện pháp được thiết kế theo quy trình bốn bước có hệ thống, từ việc khai thác kinh nghiệm cụ thể của HS đến hình thành và củng cố kiến thức trừu tượng. Quá trình này tuân theo nguyên lý “từ cụ thể đến trừu tượng” và “từ dễ đến khó”, phù hợp với đặc điểm tâm lý học tập của HS lớp 2.

Bước 1: Cụ thể - Khởi động và khai thác kinh nghiệm sống

GV gợi ý nhiều trò chơi thú vị khác nhau về đếm số để khơi gợi hứng thú học tập. GV đưa ra các đồ vật trực quan để HS quan sát và lựa chọn đồ vật phù hợp liên quan đến cuộc sống mà HS yêu thích. Từ đó, HS thực hiện các trò chơi đếm đơn giản như đếm kẹo, đếm đồ chơi,...

Ví dụ: “Trò chơi đếm kẹo”: Hộp A có 27 viên kẹo, hộp B có 35 viên kẹo. Các em hãy giúp tính tổng số kẹo và trình bày cách tính?

Bước 2: Chứng minh - Hình thành kiến thức mới

Qua việc đếm kẹo, đếm đồ chơi,... ở bước 1 HS dần hình thành nhận thức về phép cộng có nhớ. Thông qua các thao tác đếm đồ vật, HS sẽ hình thành được các phép tính cụ thể.

Ví dụ như trò chơi đếm kẹo ở bước 1, HS đã biết thực hiện các thao tác tính toán trên đồ dùng trực quan và hình thành được phép tính $27 + 35$.

Tuy nhiên, HS vẫn cần GV hướng dẫn các thao tác thực hiện phép tính theo cách đặt tính. Từ đó, giải thích được bản chất của phép cộng có nhớ thông qua các câu hỏi định hướng như: “Tại sao phải nhớ?”, “Nhớ ở đâu?”, “Làm thế nào để không quên số nhớ?”. Từ đó HS hình thành được những kiến thức

cơ bản về phép cộng có nhớ trong phạm vi 100.

Bước 3: Chuyên hóa – luyện tập thực hành

Sau khi, HS nắm được bản chất của bài toán thì GV sẽ đưa ra các bài toán nhiều mức độ để HS làm quen dần như:

- Bài tập đơn giản: $7 + 5 = ?$, $6 + 9 = ?$,
- Bài tập trung bình: $26 + 8 = ?$, $32 + 19 = ?$,
- Bài tập nâng cao: $45 + 36 + 4 = ?$, $29 + 6 + 11 = ?$,

Bước 4: Củng cố - Khắc sâu và mở rộng kiến thức

Ở bước này GV có thể đưa ra các bài tập mở rộng và các trò chơi như: Ai nhanh hơn, các dạng bài tập điền khuyết,... Ngoài ra, GV có thể đưa ra các bài tập từ các tình huống thực tế để HS áp dụng các kỹ thuật tính nhẩm đã học.

Ví dụ: Tìm số thích hợp?

- a. $44 + \dots = 81$ b. $\dots + 36 = 54$

2.2.4. Kết quả của biện pháp

Việc áp dụng biện pháp đã đề xuất trong thực tế giảng dạy tại lớp 2 cho thấy những kết quả tích cực và khả quan. Quá trình triển khai được thực hiện một cách có hệ thống, từng bước và có sự theo dõi sát sao để đánh giá đúng hiệu quả của biện pháp.

a) **Kết quả của bước 1:** Cụ thể - Khởi động và khai thác kinh nghiệm sống

Qua việc sử dụng các vật cụ thể trong tình huống thực tế phù hợp với đặc điểm tâm lý của HS lớp 2. Đây là giai đoạn tư duy cụ thể sẽ giúp HS tăng hứng thú học tập và phát triển khả năng tư duy sáng tạo cho bài toán từ đó tạo ra sự tập trung cao độ ở HS. Các em hoàn toàn không gặp khó khăn khi thao tác với việc đếm kẹo để thực hiện phép cộng $27 + 35$. Sau khi HS đã nhận thức rõ vấn đề cần giải quyết và từ những gợi ý của GV, HS sẽ thực hiện được mà không cần hướng dẫn chi tiết. Tuy nhiên, ban đầu HS thực hiện còn chậm trong việc sắp xếp và đếm do chưa quen với các thao tác.

b) **Kết quả của bước 2:** Chứng minh - Hình thành kiến thức mới

Giai đoạn này giúp chuyển đổi từ hiểu biết cảm tính sang hiểu biết lý tính. Phương pháp hỏi đáp nhằm giúp HS định hướng và hiểu được logic bên trong mỗi bước thực hiện. Việc HS tự khám phá ra những kiến thức mới giúp HS xác định được vị trí cần nhớ để củng cố khái niệm về vị trí. Qua đó, HS nắm vững bản chất của phép cộng trong phạm vi 100, phân biệt được phép cộng có nhớ và không nhớ (MT1).

Bảng 1: Bảng khảo sát câu hỏi định hướng về hình thành kiến thức mới

Câu hỏi định hướng	Số HS trả lời đúng	Tỷ lệ (%)
"Tại sao phải nhớ?"	27/32	84.4%
"Nhớ ở đâu?"	30/32	93,8%
"Làm thế nào để không quên số nhớ?"	29/32	90.6%

HS đã hiểu được bản chất của phép cộng có nhớ, không chỉ biết thực hiện được các thao tác toán học chính xác mà còn giải thích được logic bên trong, đạt được mục tiêu [MT2].

Đánh giá mức độ hình thành kiến thức mới của HS áp dụng biện pháp:

- Dạng bài tập cộng có nhớ đơn giản: Số lượng 12 bài, tỷ lệ làm đúng từ tăng 71% lên 89%.
- Dạng bài tập cộng có nhớ nâng cao: Số lượng 10 bài, tỷ lệ làm đúng từ tăng 45% lên 78%.
- Dạng bài tập cộng có nhớ phức tạp: Số lượng 6 bài, tỷ lệ làm đúng từ tăng 32 % lên 65%.
- Dạng bài tập thực tế: Số lượng 4 bài, tỷ lệ làm đúng từ tăng 32 % lên 65%.

c) **Kết quả của bước 3:** Chuyên hóa – Luyện tập thực hành

Việc sắp xếp bài tập từ dễ đến khó, HS được luyện tập đa dạng các hình thức toán có nhớ. Từ đó tạo nên tư duy lập chắt chẻ và có hướng làm toán phù hợp lâu dần HS sẽ hình thành sự tự tin khi giải quyết các bài toán. Sự kết hợp giữa bài tập thuần túy và bài toán thực tế sẽ giúp cân bằng giữa rèn luyện kỹ năng giải quyết bài toán và phát triển tư duy ứng dụng.

Bảng 2. Hệ thống bài tập theo mức độ

Mức độ	Loại bài tập	Mục đích	Hiệu quả
Cơ bản	7 + 5	Làm quen	Tăng tự tin
Trung bình	39 + 12	Áp dụng thuật toán	Củng cố kiến thức
Nâng cao	28 + 37 + 3	Thử thách	Phát triển tư duy
Ứng dụng	Bài toán thực tế	Tăng hiệu quả khi học toán	Khả năng phân tích và giải quyết bài toán tốt

- Từ việc HS được luyện tập mỗi ngày theo mức độ khó tăng dần, HS đã đạt được hiệu quả nhất định trong môn Toán.

- Số lượng HS tự phát hiện được lỗi quên cộng số nhớ đạt 27/32 HS, chiếm 84.4%. HS đang dần có nhận thức tốt hơn về mặt tư duy.

- Số lượng HS nhận biết được lỗi viết không thẳng cột đạt 30/32 HS, chiếm 93,8%. Điều này cho thấy khả năng nhìn nhận vấn đề của HS đang tiến bộ theo hướng tích cực.

- Số lượng HS đưa ra các gợi ý khắc phục vấn đề đạt 22/32 HS, chiếm 68.8%. HS đã hình thành được cho bản thân tâm lý tự tin, tích cực, tập trung phân đoán vấn đề và đưa ra các cách làm bài tốt nhất.

- Số lượng HS có khả năng giải thích các lý do sai đạt 24/32 HS, chiếm 75.0%. HS bắt đầu hiểu và nâng cao được năng lực cá nhân, đồng thời phát triển tốt tư duy phản biện của mình.

- HS đều tỏ ra rất thích thú và hoạt động tích cực trong việc theo dõi và nhận xét cách làm của các bạn khác. Các em đã tự phát hiện được những lỗi sai thường gặp và có thể giải thích nguyên nhân tại sao

những cách làm đó không chính xác.

d) *Kết quả của bước 4*: Củng cố - Khắc sâu và mở rộng kiến thức

HS đã áp dụng thành thạo các thao tác khi tính toán và tự tin khi bản thân đã nắm vững được các kiến thức về phép cộng có nhớ. Đồng thời HS trở nên chủ động hơn khi học toán.

Tóm lại: Kết quả cho thấy sự tiến bộ rõ rệt của HS, đặc biệt ở các dạng bài phức tạp. HS đã vận dụng được các kỹ thuật tính nhẩm và thể hiện được sự tự tin hơn khi giải quyết các bài toán thực tế, đạt được mục tiêu [MT3].

3. Kết luận

Nghiên cứu về biện pháp giúp HS lớp 2 khắc phục khó khăn khi thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 đã đạt được những kết quả rất tích cực. Qua quá trình thực nghiệm thực tế cho thấy biện pháp này đã chứng minh được tính khả thi trong việc giúp HS nắm vững bản chất phép cộng có nhớ trong phạm vi 100. Đồng thời, HS biết thực hiện các thao tác toán học một cách logic và hiểu được bản chất của các phép cộng có nhớ trong phạm vi 100. Việc sử dụng đồ dùng trực quan và hoạt động nhóm đã tạo cho HS môi trường học tập tích cực, tự chủ và tự học. Thúc đẩy sự phát triển về mặt nhận thức của HS dành cho môn toán và tăng hứng thú học tập. Nghiên

cứu khẳng định tầm quan trọng của phương pháp dạy học tích cực trong khắc phục khó khăn khi học toán, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán*. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [2]. Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Thị Phương Nhung, Trịnh Công Sơn. (2018). *Giáo trình phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*. NXB Đại học Vinh.
- [3]. Hoàng Công Kiên, Nguyễn Thị Thanh Tuyền. (2025). Tổ chức dạy học hợp tác hỗ trợ HS lớp 3 gặp khó khăn trong học toán. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21(01), 79-85.
- [4]. Phạm Hải Lê, Ngô Thị Thanh Phương. (2015). Thử nghiệm trò chơi học tập môn Toán hỗ trợ cho HS lớp 3 có khó khăn về tính toán. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 6(71), 114-125.
- [5]. Nguyễn Thụy Phương Trâm, Chu Vĩnh Quyên, Dương Thị Ngọc Tú. (2024). Một số đề xuất về việc ứng dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ HS gặp khó khăn về Toán. *Tạp chí Giáo dục*, 24(SDB9), 107-111.

THE APPLICATION OF AI BASED TRANSLATION TECHNOLOGY... (tiếp theo trang 88)

In conclusion, the study argues that AI-based translation technologies offer significant potential for enhancing translation teaching, but they must be integrated thoughtfully into the curriculum. Educators should play an active role in guiding students through the complexities of using AI translation tools, encouraging them to develop both technical and critical skills that will prepare them for the evolving landscape of translation. While AI tools have the capacity to automate many aspects of translation, human intervention remains essential in ensuring high-quality, culturally sensitive, and contextually accurate translations. Ultimately, the successful integration of AI in translation teaching will depend on a collaborative approach between technology and pedagogy, where AI tools are used as complementary aids rather than substitutes for human expertise.

References

- [1]. Aijun, Y. (2024). On the influence of artificial intelligence on foreign language learning and suggested learning strategies. *International Journal of Education and Humanities*, 4(2), 107–120. [https://doi.org/10.58557/\(ijeh\).v4i2.214](https://doi.org/10.58557/(ijeh).v4i2.214)

- [2]. Ata, M., & Debreli, e. (2021). Machine translation in the language classroom: Turkish EFL learners' and instructors' perceptions and use. *IAFOR Journal of Education*, 9(4), 103–122. <https://doi.org/10.22492/ije.9.4.06>
- [3]. B. Lin, P. Yip, On the Construction and Application of a Platform-Based Corpus in Tourism Translation Teaching, *International Journal of Translation, Interpretation, and Applied Linguistics (IJTIAL)*2(2) (2020) 12
- [4]. Gao, R., Lin, Y., Zhao, N., & Cai, Z. G. (2024). Machine translation of Chinese classical poetry: a comparison among ChatGPT, Google Translate, and DeepL translator. *Humanities and Social Sciences Communications*, 11(1), 835. <https://doi.org/10.1057/s41599-024-03363-0>
- [5]. Kim, H. s., & Cha, Y. (2023). The role of AI translators on reading comprehension. *Korea Journal of English Language and Linguistics*, 23, 38–58. <https://doi.org/10.15738/kjell.23.202301.38>
- [6]. Lee, S. M. (2020). The impact of using machine translation on EFL students' writing. *Computer Assisted Language Learning*, 33(3), 157–175. <https://doi.org/10.1080/09588221.2018.1553186>